

Bản án số: 500/2023/HS-PT

Ngày: 24 - 10 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Long

Các Thẩm phán: Ông Phạm Việt Cường

Ông Trương Công Thi

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Văn Phong, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Chiến, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kết nối với điểm cầu thành phần tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 476/2023/TLPT-HS ngày 02 - 10 - 2023, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2023/HS-ST ngày 28 - 7 - 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Đặng Ngọc T, sinh năm: 1982 tại Bình Định.

Nơi cư trú: thôn T, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; con ông: Đặng Ngọc Đ (chết) và bà Phan Thị L, sinh năm: 1955; vợ: Lê Thị Kim N, sinh năm: 1978, con: có 01 con, sinh năm: 2020; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Lương Văn P, sinh năm: 1972 tại Bình Định.

Nơi cư trú: thôn N, xã T1, huyện T2, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; con ông: Lương Văn Ph, sinh năm: 1926 và bà Trần Thị Y (đã chết); vợ: Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1963, con: 01 con sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: không; về nhân thân: ngày 30/10/1995, bị Tòa án nhân dân huyện T2 xử phạt 24 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”; ngày

06/9/2000, bị Tòa án nhân dân huyện T2 xử phạt 18 tháng tù giam về tội “Chiếm đoạt trái phép vũ khí quân dụng” và tội “Chống người thi hành công vụ”; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Ngoài ra, vụ án còn 03 bị cáo khác không có kháng cáo, kháng nghị, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2019 đến năm 2021, Trần Thị Kim H lợi dụng hành nghề bói toán, nói dối với nhiều người là có quen biết nhiều người ở Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Định có thể giúp làm được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (CNQSD) theo quy định, cứ mỗi giấy CNQSD đất có giá từ 20 triệu đến 40 triệu đồng chi phí nên làm cho một số người dân sống trên địa bàn huyện P tin tưởng. Sau đó, Trần Thị Kim H móc nối với Đặng Ngọc T tìm kiếm Zalo mang tên “Võ Trung Quốc” do Trần Đình T3 làm chủ để đặt làm giấy CNQSD giả, T3 đồng ý lấy giá 7.000.000đ/01 giấy CNQSD giả. Sau đó, Đặng Ngọc T nói lại với Trần Thị Kim H và yêu cầu H cung cấp thông tin, địa chỉ lô đất để Đặng Ngọc T gửi cho T3 làm giả 02 Giấy CNQSD đứng tên Trương Hồng S và Phùng Việt H1. Sau khi làm xong, T3 đóng gói gửi cho Công ty dịch vụ chuyển phát COD chuyên đến địa chỉ người nhận là Đặng Ngọc T. Sau đó, T đưa lại cho Trần Thị Kim H 02 giấy CNQSD giả đứng tên Trương Hồng S, Phùng Việt H1 để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh S và anh H1 với số tiền 154.000.000đ, được H chia cho T 10.000.000đ. Tiếp đó, Trần Thị Kim H nhờ Đặng Ngọc T đặt làm giả giấy CNQSD cho người khác, nhưng T sợ nên không nhận. Lúc này, H mới cấu kết với Lê Thị Kim N (vợ T) nhận làm 17 Giấy CNQSD và 03 giấy CNQSD tên Trần Thị Kim H để lừa đảo chiếm đoạt với tổng số tiền 1.140.355.000đ. Trong đó, Lê Thị Kim N cấu kết với Trần Thị Kim H làm 14 giấy CNQSD để lừa đảo chiếm đoạt số tiền 531.355.000đ và được chia số tiền 189.355.000đ, thu lợi bất chính 20.000.000đ. Ngoài ra, trong quá trình làm giấy CNQSD giả cho Trương Hồng S thì H cấu kết với Lương Văn P đóng giả ông Nguyễn H5 (Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Định) để H lừa đảo chiếm đoạt số tiền 35.000.000đ.

Mở rộng điều tra, về hoạt động phạm tội của Trần Đình T3 thấy rằng: Ngoài việc làm giả giấy CNQSD cho Đặng Ngọc T, Lê Thị Kim N trước đó, Trần Đình T3 đã chuẩn bị công cụ, phương tiện như máy tính xách tay, máy tính để bàn, mực in giấy in màu, con dấu... và các phôi Giấy CNQSD giả để làm và in ấn làm giả các loại giấy tờ khác như: GPLX các loại; Bộ hồ sơ bằng lái xe các loại; Thẻ căn cước công dân không gắn chip hoặc có gắn chip; Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe

máy, xe ô tô; Giấy chứng minh nhân dân; Thẻ nhà báo; Giấy chứng nhận kiểm định xe cơ giới, tem nộp phí sử dụng đường bộ, tem đăng kiểm xe ô tô.... rồi gửi cho Công ty dịch vụ chuyển phát COD chuyển đến địa chỉ người nhận. Tổng cộng, Trần Đình T3 đã làm 377 tài liệu giả, hưởng lợi 384.660.000đ.

Hành vi của Trần Thị Kim H, Lê Thị Kim N chiếm đoạt tài sản và làm giả giấy CNQSDĐ có liên quan đến Đặng Ngọc T, Lương Văn P như sau:

Hành vi làm giả 08 giấy CNQSDĐ cho Trương Hồng S chiếm đoạt số tiền 278.000.000đ.

Năm 2019, Trương Hồng S đến nhà Trần Thị Kim H để xem bói, H giới thiệu mình có quen biết nhiều người đang công tác tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Định và có thể giúp làm được giấy CNQSDĐ theo quy định. Trương Hồng S tin tưởng đặt vấn đề nhờ H làm giấy CNQSDĐ (có diện tích 4.500m² tọa lạc tại xã Mỹ Đức, huyện P) thì H đồng ý và yêu cầu anh S cung cấp thông tin về thửa đất và giấy tờ có liên quan và đưa trước cho H 3.000.000 đồng. Sau đó, H cấu kết với Đặng Ngọc T lên mạng Internet tìm tài khoản Zalo có tên “*Võ Trung Quốc*” tên thật là Trần Đình T3 để nhận làm giả. Sau khi làm xong, T3 gửi cho Đặng Ngọc T nhận 01 giấy CNQSDĐ mang tên Trương Hồng S. Trong quá trình gửi thông tin lô đất cho Đặng Ngọc T thì H nhiều lần yêu cầu anh S đưa tiền mặt cho H với số tiền 114.000.000đ. Trong đó, H có nhờ Lương Văn P (là người quen) đóng giả ông Nguyễn H5 gọi điện cho S để S đưa cho H với số tiền 35.000.000đ. H chia cho P 10.000.000đ. H chia cho T 10.000.000đ, T trả cho Trần Đình T3 số tiền 7.000.000đ, còn Hưởng lợi 3.000.000đ.

Khi anh S nhận được giấy CNQSDĐ có diện tích 4.500m², thì anh S muốn tách thành 03 thửa đất nhỏ, mỗi thửa 1.500m² nên đã đưa lại giấy CNQSDĐ cho H và nhờ H tách thành 03 giấy CNQSDĐ và đồng thời xin đất con trai theo diện nghĩa vụ quân sự và làm 02 giấy CNQSDĐ thì H đồng ý. Lúc này, H nói lại với Đặng Ngọc T làm giúp, nhưng T không nhận làm vì sợ vi phạm pháp luật. Do đó, H mới cấu kết với Lê Thị Kim N (vợ T) nhận làm giả nên đưa giấy CNQSDĐ của lô đất 4.500 m² cho Lê Thị Kim N và cung cấp thông tin của người đứng tên trên lô đất muốn tách thửa. Trong quá trình làm giấy CNQSDĐ, N nhiều lần gọi điện thoại cho anh S tự giới thiệu mình là con gái của ông Nguyễn H5. Còn H yêu cầu anh S đưa tiền mặt hoặc chuyển qua tài khoản của Hồ Văn Bảo, đồng thời N cũng yêu cầu anh S đưa tiền mặt cho N và chuyển tiền qua tài khoản của N và con trai là Nguyễn Lê Hoài Nguyên với tổng số tiền 131.000.000đ. Sau khi làm xong, T3 gửi 03 giấy CNQSDĐ đất cho Lê Thị Kim N nhận và đưa lại anh S. Ngoài ra, Trần Thị Kim H còn hứa hẹn làm 02 giấy CNQSDĐ; 01 giấy cho thửa đất của Nguyễn Thị Duy Liễu là người quen của S; 01 giấy CNQSDĐ của S được thừa kế từ bà nội lừa đảo chiếm đoạt của anh S số tiền 33.000.000đ. Khi tổ công tác tiến hành cưỡng chế tháo dỡ lô đất tại thôn Tân Phú, xã

Mỹ Đức, huyện P có lô đất của Trương Hồng S thì H và N bàn bạc lấy lại 04 giấy CNQSDĐ để tiêu hủy.

Như vậy, anh S đã đưa tiền và chuyển khoản cho H với tổng số tiền 225.000.000đ, còn đưa tiền cho N và chuyển qua số tài khoản của N và con trai N là Nguyễn Lê Hoài Nguyên với số tiền 53.000.000đ. Tổng cộng, chiếm đoạt của Trương Hồng S số tiền 278.000.000đ.

Làm giả 01 giấy CNQSSĐ cho Phùng Việt H1. Ngoài ra còn cấu kết với Lê Thị Kim N làm giả 02 giấy CNQSDĐ cho anh Phùng Việt H1 để bán cho Lê Thị C và Phạm Thị Lệ A chiếm đoạt số tiền 62.000.000đ.

Năm 2019, Phùng Việt H1 nghe thông tin Trương Hồng S đã nhờ Trần Thị Kim H làm giấy CNQSDĐ, nên H1 mới gặp H đặt vấn đề làm 01 giấy CNQSDĐ cho lô đất diện tích 4.500m² tọa lạc tại xã M, huyện P và thỏa thuận với giá tiền là 40.000.000đ thì H đồng ý. Để làm được giấy CNQSDĐ, H yêu cầu anh H1 cung cấp giấy tờ có liên quan đến lô đất. Sau đó, H mới cấu kết với Đặng Ngọc T và đưa cho T 10.000.000đ để T thông qua Trần Đình T3 làm 01 giấy CNQSDĐ mang tên Phùng Việt H1. Sau khi làm xong, T đưa cho H để H đưa lại cho Phùng Việt H1 sử dụng. T hưởng lợi 3.000.000đ.

Tiếp đến tháng 11/2020, anh H1 bán một phần lô đất mà H đã làm giấy CNQSDĐ cho Lê Thị C và Phạm Thị Lệ A. Đồng thời, cũng nhờ H tách sổ cho Lê Thị C và Phạm Thị Lệ A (con chị C) thì H đồng ý. Lúc này, H yêu cầu H1 cung cấp giấy tờ của Lê Thị C, Phạm Thị Lệ A cho H và đưa số tiền tách sổ là 22.000.000đ. Để làm được giấy CNQSDĐ, H cấu kết với Lê Thị Kim N và đưa cho N số tiền 16.000.000đ. Sau khi làm xong, H1 đến nhà Trần Thị Kim H lấy giấy CNQSDĐ để đưa cho Lê Thị C, Phạm Thị Lệ A thì bị chị C phát hiện sổ giả nên không nhận và trả lại cho Phùng Việt H1. Cơ quan điều tra đã tạm giữ giấy CNQSDĐ giả nêu trên.

Như vậy, Trần Thị Kim H đã cấu kết với Lê Thị Kim N, Đặng Ngọc T làm giả giấy CNQSDĐ mang tên Phùng Việt H1 chiếm đoạt số tiền 62.000.000đ, trong đó, H chiếm đoạt số tiền 36.000.000đ, N chiếm đoạt 16.000.000đ, hưởng lợi 2.000.000đ. Đặng Ngọc T giúp Trần Thị Kim H chiếm đoạt 40.000.000đ, T hưởng lợi 3.000.000đ.

Hành vi làm giả 03 giấy CNQSDĐ đứng tên Trần Thị Kim H để bán lại cho Đặng Minh Thanh lấy số tiền 80.000.000đ và thế chấp cho Đặng Thị H2, Nguyễn Thanh H3 chiếm đoạt 10.000.000đ.

Năm 2020, Trần Thị Kim H thông qua Đặng Ngọc T làm giả 01 giấy CNQSDĐ mang tên Trần Thị Kim H, với số tiền 15.000.000đ. Sau khi nhận giấy CNQSDĐ giả, H thế chấp cho Đặng Thị H2 ở thị trấn Bình Dương, huyện P lấy 20.000.000đ. Tuy nhiên, H khai nhận đã trả đủ số tiền 20.000.000đ cho H2. Qua đối chất giữa Trần Thị Kim H với Đặng Thị H2 thì H đã chiếm đoạt 10.000.000đ. Đối

chất giữa Trần Thị Kim H với Đặng Ngọc T không thừa nhận việc nhận việc làm giấy CNQSDĐ cho Trần Thị Kim H. Cơ quan điều tra đã tạm giữ giấy CNQSDĐ này.

Hành vi làm giả 01 GPLX mang tên Đặng Ngọc T.

Năm 2018, Đặng Ngọc T thông qua mạng xã hội Facebook làm giả 01 GPLX hạng A1 mang tên Đặng Ngọc T với giá 1.200.000 đồng để sử dụng cho cá nhân. Cơ quan điều tra đã phát hiện và tạm giữ GPLX giả này.

Tại bản cáo trạng số 32/CT-VKSBD-P1 ngày 30/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định đã truy tố các bị cáo:

- Trần Thị Kim H, Lê Thị Kim N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 BLHS và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 BLHS.

- Đặng Ngọc T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 BLHS và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” được quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 341 BLHS.

- Trần Đình T3 về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” được quy định tại điểm a, c khoản 3 Điều 341 BLHS.

- Lương Văn P về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 BLHS.

[2] Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2023/HS-ST ngày 28 - 7 - 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Thị Kim H, Lê Thị Kim N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Bị cáo Đặng Ngọc T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Bị cáo Trần Đình T3 phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Bị cáo Lương Văn P phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55 của BLHS. Xử phạt: Bị cáo Đặng Ngọc T 02 (hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 02 (hai) năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội bị cáo phải chấp hành là 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Áp dụng: khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS. Xử phạt: Bị cáo Lương Văn P 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm đã quyết định tội danh và hình phạt đối với các bị cáo khác, quyết định trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí hình sự sơ thẩm.

[3] Kháng cáo:

Ngày 03-8-2023 bị cáo Đặng Ngọc T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Ngày 06-8-2023 bị cáo Lương Văn P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

[4] *Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Bị cáo Đặng Ngọc T giữ nguyên kháng cáo, trình bày lý do kháng cáo là do hiện nay gia đình có hoàn cảnh khó khăn, có con nhỏ dưới 36 tháng tuổi và vợ đang mang thai.

Bị cáo Lương Văn P giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, trình bày lý do kháng cáo hiện có hoàn cảnh cha già yếu cần có người chăm sóc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: tại giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân và Tòa án cấp sơ thẩm trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội:

Bị cáo Trần Thị Kim H đã có hành vi lợi dụng sự nhẹ dạ cả tin của một số người dân, cấu kết với các bị cáo Đặng Ngọc T, Lê Thị Kim N, đặt cho Trần Đình T3 làm 19 giấy CNQSDĐ giả mang tên Trương Hồng S, Hồ Minh S, Nguyễn Văn D, Lê Minh H4, Phùng Việt H1, Trương Thị X, Nguyễn Văn M1, Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn K, Nguyễn B, Võ Văn Đ1, Đặng Minh Th1, Đặng Thị H2 và 03 giấy CNQSDĐ mang tên Trần Thị Kim H để lừa đảo chiếm đoạt là 1.055.000.000đ.

Bị cáo Đặng Ngọc T biết trước Trần Thị Kim H làm giả 02 giấy CNQSDĐ cho Trương Hồng S, Phùng Việt H1 để lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nhưng bị cáo T vẫn nhận làm và gửi thông tin lô đất cho Trần Đình T3 làm giả, tạo điều kiện cho Trần Thị Kim H chiếm đoạt số tiền 154.000.000 đồng và được chia số tiền 20.000.000 đồng. Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định quyết định bị cáo Đặng Ngọc T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 BLHS và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 341 của BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

Bị cáo Lương Văn P đã có hành vi giúp sức cho Trần Thị Kim H, cụ thể là đóng giả ông Nguyễn H5 (Giám đốc Văn Phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Định) để bị cáo H chiếm đoạt 35.000.000 đồng, P được H cho số tiền 10.000.000 đồng, nên đồng phạm với bị cáo H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” trong phạm vi chiếm đoạt số tiền 35.000.000 đồng. Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định quyết định bị cáo Lương Văn P phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính Nhà nước, xâm phạm đến tài sản của người khác, gây mất trật tự an toàn xã hội, nên cần phải xử lý nghiêm minh, bảo đảm tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo Đặng Ngọc T thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần nên phạm vào tình tiết “*Phạm tội nhiều lần*” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo Trường, P đều khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bản án sơ thẩm đã nhận định đúng nội dung và tính chất, xem xét vai trò tham gia của từng bị cáo, áp dụng đúng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ để xử phạt các bị cáo mức hình phạt phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo T, P không có tình tiết giảm nhẹ đáng kể mới nên không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ của các bị cáo T, P. Đối với kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo P, do bị cáo có nhân thân xấu nên không đủ điều kiện để được hưởng án treo.

[4] Những quyết định còn lại của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[5] *Về án phí*: Bị cáo T, P phải chịu án phí hình sự phúc thẩm mỗi bị cáo là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đặng Ngọc T và của bị cáo Lương Văn P, giữ nguyên hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm.

2. Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đặng Ngọc T 02 (hai) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 02 (hai) năm tù về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”. Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội bị cáo phải chấp hành là 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

3. Áp dụng: khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lương Văn P 09 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

4. Các quyết định còn lại của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị, việc thi hành án theo quyết định của bản án sơ thẩm.

Về án phí hình sự phúc thẩm bị cáo Đặng Ngọc T, Lương Văn P phải chịu mỗi bị cáo là 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Bình Định;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Bình Định;
- Cơ quan CSTHAHS - CA tỉnh Bình Định;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Trại tạm giam CA tỉnh Bình Định;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Long